

ĐỀ ÁN
Sắp xếp thôn thuộc xã Đông Thành

Thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc... (gọi chung là thôn) được tổ chức ở xã; tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu...(gọi chung là tổ dân phố) được tổ chức ở phường, thị trấn. Thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường (xã, phường sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Sau khi kết thúc đơn vị hành chính cấp huyện, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp chính thức đi vào hoạt động (từ ngày 01/7/2025) đã và đang đặt ra những yêu cầu mới về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, trong đó có việc sắp xếp các thôn, tổ dân phố trong tình hình mới. Từ thực tế đó và thực hiện các chỉ đạo, kết luận, quy định của Trung ương và của tỉnh; nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, UBND xã Đông Thành xây dựng Đề án sắp xếp thôn thuộc xã Đông Thành, cụ thể như sau:

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Luật thực hiện dân chủ cơ sở ngày 10/11/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 27/6/2025;

Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng và các khoản chi khác bảo đảm hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kết luận số 393-KL/TU ngày 04/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 22/5/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Thông báo số 241/TB-UBND ngày 07/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại Phiên họp chuyên đề UBND tỉnh tháng 6 năm 2026;

Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc ban hành Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Công văn số 3120/SNV-XDCQ&CTTN ngày 21/5/2026 của Sở Nội vụ về việc xây dựng Phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;

Công văn số 3706/SNV-XDCQ&CTTN ngày 08/6/2026 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn trình tự, hồ sơ, đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;

Kết luận số 132 -KL/ĐU ngày 25/5/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Đông Thành về phương án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Đông Thành;

Kết luận số 146 -KL/ĐU ngày 09/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Đông Thành về việc cho chủ trương xây dựng Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Đông Thành;

Kết luận số 148 -KL/ĐU ngày 09/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đông Thành về việc cho chủ trương xây dựng Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Đông Thành;

Công văn số 467 -CV/ĐU ngày 22/5/2026 của Đảng ủy xã Đông Thành về việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng phương án sắp xếp thôn trên địa bàn xã;

Công văn số 495 -CV/ĐU ngày 04/6/2026 của Đảng ủy xã Đông Thành về việc khẩn trương rà soát, hoàn thiện hồ sơ phương án sắp xếp thôn trên địa bàn xã;

Công văn số 505 -CV/ĐU ngày 09/6/2026 của Đảng ủy xã Đông Thành về việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Đề án sắp xếp thôn và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn xã Đông Thành.

2. Cơ sở thực tiễn và sự cần thiết

Xã Đông Thành có diện tích tự nhiên 2.633,39 ha, dân số 30.265 người, 7.444 hộ¹; toàn xã hiện có 25 thôn. Trong những năm qua, hoạt động của thôn trên địa bàn xã đã đạt được những kết quả tích cực, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của Cấp ủy đảng, Chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các Tổ chức chính trị - xã hội cấp trên được triển khai thực hiện kịp thời, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, hiệu quả, góp phần phát triển sản xuất, xây dựng và phát huy nét đẹp văn hóa truyền thống của địa phương; phòng chống và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xóa bỏ hủ tục lạc hậu, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ môi trường; đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, kết quả đã đạt được, công tác tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố cũng còn nhiều tồn tại, bất cập, quy mô thôn nhỏ làm phát sinh tổ chức, tạo đầu mối, tăng số lượng người hoạt động không chuyên trách, gây áp lực chi ngân sách địa phương, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của Chi bộ, Chi hội, Đoàn thể, khó khăn trong việc huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư để xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay vẫn còn nhiều thôn chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định; toàn xã vẫn còn 18 thôn có quy mô số hộ nhỏ hơn 350 hộ, chiếm 72 %. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã năm 2025, số lượng thôn của xã tăng lên; nhiều đầu mối, tạo áp lực đối với hoạt động chỉ đạo, quản lý của chính quyền địa phương cấp xã. Từ thực tế nói trên, việc sắp xếp thôn trên địa bàn xã Đông Thành là phù hợp với thực tiễn địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cấp xã, tinh gọn bộ máy, giảm số lượng, đồng thời tạo sự gắn bó, củng cố sức mạnh, tăng cường đầu tư xây dựng công trình phúc lợi xã hội từ cộng đồng dân cư; thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

II. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Về số lượng thôn

- Tổng số thôn: 25 thôn.

¹ Công văn số 214/CAĐT ngày 22/5/2026 của Công an xã Đông Thành về việc cung cấp số liệu phục vụ xây dựng Phương án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Đông Thành.

- Số thôn đã đạt tiêu chuẩn theo quy định: 07 thôn.
- Số thôn chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định: 18 thôn.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Về tổ chức của thôn

a) Tổ chức Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, Chi hội đoàn thể:

Về tổ chức ở mỗi thôn có 01 tổ chức Chi bộ Đảng, 01 Ban Công tác Mặt trận và 05 Chi hội đoàn thể (gồm: Chi hội Nông dân, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Cựu chiến binh, Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Người cao tuổi). Số lượng thành viên cụ thể của 25 thôn trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

- Cộng tác viên dân số 25 người, hưởng phụ cấp hệ số 100.000 đồng/người/tháng.

- 25 Bí thư Chi đoàn, 25 Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, 25 Chi hội trưởng Chi hội Cựu Chiến binh, 25 Chi hội trưởng Chi hội Nông dân và nhiều Trưởng của các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp như Chữ thập đỏ, Khuyến học, Người cao tuổi ở thôn đang được hỗ trợ một phần phụ cấp từ đóng góp của cộng đồng dân cư.

- 768 đảng viên của Chi bộ đảng, 188 thành viên Ban công tác Mặt trận, 735 đoàn viên Chi đoàn Thanh niên, 1.351 hội viên Chi hội Cựu chiến binh, 2.899 hội viên Chi hội Nông dân, 3.029 hội viên Chi hội Phụ nữ và hội viên của các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp...

b) Số lượng, chất lượng, cơ cấu người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động công việc ở thôn:

* Về số lượng người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động công việc ở thôn:

Theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Thôn bố trí tối đa 02 người; riêng các thôn, bản đặc biệt khó khăn bố trí tối đa 03 người (bổ trí thêm Nhân viên y tế). Trong đó:

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có 03 chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận.

- Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có 01 chức danh, riêng các thôn đặc biệt khó khăn có 02 chức danh (thêm chức danh Nhân viên y tế): Thôn, Tổ đội trưởng và Nhân viên y tế (ở thôn đặc biệt khó khăn).

Đồng thời Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh cũng quy định: Mức phụ cấp hàng tháng đối với Bí thư Chi bộ thôn loại I hệ số hưởng là 1,1; Mức phụ cấp hàng tháng đối với Bí thư Chi bộ thôn loại II, III hệ số hưởng là 1,0. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Trưởng thôn của thôn loại I hệ số hưởng là 1,1; Mức phụ cấp hàng tháng đối với Trưởng thôn

của thôn loại II, III hệ số hưởng là 1,0. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Trưởng Ban công tác Mặt trận của thôn loại I hệ số hưởng là 0,9; Mức phụ cấp hàng tháng đối với Trưởng Ban công tác Mặt trận của thôn loại II, loại III hệ số hưởng là 0,8. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Thôn đội trưởng của thôn loại I hệ số hưởng là 0,8; Mức phụ cấp hàng tháng đối với Thôn đội trưởng của thôn loại II, loại III hệ số hưởng là 0,7.

Theo đó, đối với xã Đông Thành, trên địa bàn xã không có thôn, bản đặc biệt khó khăn, mỗi thôn chỉ được bố trí tối đa 02 người làm 04 chức danh theo quy định, trong đó: có 24/25 thôn bố trí Bí thư kiêm nhiệm Trưởng Thôn, 01/25 thôn bố trí Bí thư kiêm Trưởng Ban công tác Mặt trận; 20/25 thôn Trưởng Ban công tác Mặt trận kiêm Thôn đội trưởng, 01/25 thôn bố trí Trưởng thôn kiêm Thôn đội trưởng, 04/25 thôn còn thiếu chức danh Trưởng Ban công tác Mặt trận. Theo đó, toàn xã đã thực hiện bố trí 50 người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, cụ thể:

- Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn của thôn loại I là 15 người hưởng phụ cấp hệ số 1,1/người/tháng và hưởng thêm phụ cấp kiêm nhiệm chức danh Trưởng thôn hệ số 1,1/người/tháng.

- Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn của thôn loại II, loại III là 09 người hưởng phụ cấp hệ số 1,0/người/tháng và hưởng thêm phụ cấp kiêm nhiệm chức danh Trưởng thôn hệ số 1,0/người/tháng.

- Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác Mặt trận của thôn loại III là 01 người hưởng phụ cấp hệ số 1,0/người/tháng và hưởng thêm phụ cấp kiêm nhiệm chức danh Trưởng ban Công tác Mặt trận hệ số 0,8/người/tháng.

- Trưởng thôn kiêm nhiệm Thôn đội trưởng thôn loại III là 01 người hưởng phụ cấp hệ số 1,0/người/tháng và hưởng phụ cấp kiêm nhiệm chức danh Thôn đội trưởng là hệ số 0,7/người/tháng.

- Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn kiêm nhiệm Thôn đội trưởng thôn loại I là 12 người hưởng phụ cấp hệ số 0,9/người/tháng và hưởng phụ cấp kiêm nhiệm chức danh Thôn đội trưởng là hệ số 0,8/người/tháng.

- Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn kiêm nhiệm Thôn đội trưởng thôn loại II, loại III là 08 người hưởng phụ cấp hệ số 0,8/người/tháng và hưởng phụ cấp kiêm nhiệm chức danh Thôn đội trưởng là hệ số 0,7/người/tháng.

- Thôn đội trưởng thôn loại I là 03 người hưởng phụ cấp hệ số 0,8/người/tháng.

- Thôn đội trưởng thôn loại II là 01 người hưởng phụ cấp hệ số 0,7/người/tháng.

* Về cơ cấu, chất lượng những người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động công việc ở thôn:

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở thôn là 46 người. Trong đó: Đảng viên 43 người chiếm tỷ lệ 93,47%; người dân tộc thiểu số 0 người chiếm tỷ lệ 0 %; dưới 40 tuổi có 12 người chiếm tỷ lệ 26,09 %, từ 40 đến 50 tuổi có 17 người chiếm tỷ lệ 36,96%, từ 50 đến 60 tuổi có 10 người chiếm tỷ lệ 21,74%, trên 60 tuổi có 07 người chiếm tỷ lệ 15,21%.

Trình độ giáo dục tiểu học 0 người chiếm tỷ lệ 0 %; trung học cơ sở 08 người chiếm tỷ lệ 17,39 %; trung học phổ thông 38 người chiếm tỷ lệ 82,61%.

Trình độ chuyên môn chưa qua đào tạo 26 người chiếm tỷ lệ 56,52%; trung cấp hoặc cao đẳng 18 người chiếm tỷ lệ 39,13 %; đại học 02 người chiếm tỷ lệ 4,35%.

Trình độ lý luận chính trị chưa qua đào tạo 30 người chiếm tỷ lệ 65,22%; trung cấp hoặc sơ cấp 16 người chiếm tỷ lệ 34,78%; cao cấp 0 người chiếm tỷ lệ 0%.

- Tổng số người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn là 04 người. Trong đó: Đảng viên 01 người chiếm tỷ lệ 25%; người dân tộc thiểu số 0 người chiếm tỷ lệ 0%; dưới 40 tuổi có 0 người chiếm tỷ lệ 0 %, từ 40 đến 50 tuổi có 04 người chiếm tỷ lệ 100%, từ 50 đến 60 tuổi có 0 người chiếm tỷ lệ 0%, trên 60 tuổi có 0 người chiếm tỷ lệ 0%.

Trình độ giáo dục tiểu học 01 người chiếm tỷ lệ 25 %; trung học cơ sở 01 người chiếm tỷ lệ 25 %; trung học phổ thông 02 người chiếm tỷ lệ 50%.

Trình độ chuyên môn chưa qua đào tạo 02 người chiếm tỷ lệ 50%; trung cấp hoặc cao đẳng 02 người chiếm tỷ lệ 50%; đại học 0 người chiếm tỷ lệ 0%.

Trình độ lý luận chính trị chưa qua đào tạo 04 người chiếm tỷ lệ 100%; trung cấp hoặc sơ cấp 0 người chiếm tỷ lệ 0%; cao cấp 0 người chiếm tỷ lệ 0 %.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

c) Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

Theo Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng và các khoản chi khác bảo đảm hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa:

- Tổ trưởng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thôn loại 1 hệ số hưởng so với lương cơ sở là 0,7; Tổ trưởng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thôn loại 2, loại 3 hệ số hưởng so với lương cơ sở là 0,65.

- Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thôn loại 1 hệ số hưởng so với lương cơ sở là 0,65; Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thôn loại 2, loại 3 hệ số hưởng so với lương cơ sở là 0,6.

- Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thôn loại 1 hệ số hưởng so với lương cơ sở là 0,6; Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thôn loại 2, loại 3 hệ số hưởng so với lương cơ sở là 0,56.

Theo đó, đối với xã Đông Thành, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự là 74 người (do thôn Đông Thôn 1 chưa kiện toàn được Tổ trưởng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự). Trong đó: Đảng viên 17 người chiếm tỷ lệ 22,97%; người dân tộc thiểu số 0 người chiếm tỷ lệ 0 %; dưới 40 tuổi có 14 người chiếm tỷ lệ 18,92 %, từ 40 đến 50 tuổi có 06 người chiếm tỷ lệ 8,11%, từ 50 đến 60 tuổi có

18 người chiếm tỷ lệ 24,32%, trên 60 tuổi có 36 người chiếm tỷ lệ 48,65%, đang hưởng hỗ trợ cụ thể như sau:

- Tổ trưởng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự 24 người, trong đó: có 14 người hưởng phụ cấp hệ số 0,7/người/tháng; có 10 người hưởng phụ cấp hệ số 0,65/người/tháng;

- Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự 25 người, trong đó: có 15 người hưởng phụ cấp hệ số 0,65/người/tháng; có 10 người hưởng phụ cấp hệ số 0,6/người/tháng;

- Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự 25 người, trong đó: có 15 người hưởng phụ cấp hệ số 0,6/người/tháng; có 10 người hưởng phụ cấp hệ số 0,56/người/tháng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

3. Về hoạt động của thôn

Trong những năm qua, hoạt động của thôn trên địa bàn xã đã thực hiện theo đúng chủ trương, đường lối của đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước; công việc do cấp uỷ đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên triển khai; bảo đảm đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương; xây dựng, giữ vững danh hiệu thôn văn hoá; phòng chống các tệ nạn xã hội và xóa bỏ hủ tục lạc hậu; đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất; xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi; xoá đói, giảm nghèo.

Các thôn đã cơ bản hoàn thành việc cứng hóa các tuyến đường trục chính đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất của nhân dân; nhiều thôn đã xây dựng được nhà văn hóa - khu thể thao đạt chuẩn theo quy định phục vụ cho sinh hoạt của cộng đồng dân cư. Trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đến nay đã có 23 thôn đạt chuẩn nông thôn mới và 01 thôn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì hoạt động của thôn vẫn có những tồn tại, hạn chế như: 20 thôn chiếm tỷ lệ 80 % có khu thể thao nhưng chưa đạt chuẩn; 01 thôn chưa đạt chuẩn nông thôn mới; 18 thôn chưa đảm bảo quy mô số hộ theo quy định.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN

1. Nguyên tắc, yêu cầu sắp xếp thôn

1.1. Việc sắp xếp thôn phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu quản lý khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời, xem xét đầy đủ các yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý, quốc phòng, an ninh và sự gắn kết tự nhiên của cộng đồng dân cư, nhất là địa bàn có yếu tố tôn giáo; gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

1.2. Quá trình thực hiện phải giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, không để xảy ra điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở; giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết cộng đồng và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng; điều hành của chính quyền các cấp; hướng dẫn, triển khai của mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; thực hiện thống nhất với kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức chi bộ, ban công tác mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố.

1.3. Việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định gắn với triển khai thực hiện sắp xếp thôn ở địa phương; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, bảo đảm quyền lợi, ổn định tư tưởng của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn trong tổ chức thực hiện.

1.4. Lựa chọn, giới thiệu người hoạt động không chuyên trách ở thôn là người có uy tín, sức khỏe, tâm huyết, trách nhiệm, năng lực vận động Nhân dân, từng bước trẻ hóa, nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng quản trị cộng đồng, chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân.

1.5. Việc đặt tên thôn được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn; việc đổi tên thôn thực hiện trong trường hợp trùng tên thôn trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở thôn.

1.6. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao của Nhân dân; bảo đảm người dân được thông tin đầy đủ, tham gia góp ý, giám sát việc sắp xếp thôn theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tiêu chuẩn sắp xếp thôn

2.1. Thôn mới sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn theo quy định thôn có từ 350 hộ trở lên.

2.2. Thôn trên địa bàn xã phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng dân cư và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

3. Phương án tổng thể sắp xếp thôn

3.1. Tổng số thôn: 25 thôn, trong đó:

a) Tổng số thôn thực hiện sắp xếp: 24 thôn, gồm:

- Thôn chưa đạt tiêu chuẩn: 18 thôn.

- Thôn đạt tiêu chuẩn: 06 thôn.

b) Số thôn không thực hiện sắp xếp: 01 thôn, gồm:

- Thôn chưa đạt tiêu chuẩn: 0 thôn.

- Thôn đạt tiêu chuẩn: 01 thôn.

3.2. Phương án và kết quả sắp xếp

a) Phương án sắp xếp

Thực hiện sắp xếp 24/25 thôn thành 11 thôn; đề nghị không thực hiện sắp xếp 01 thôn; cụ thể:

(1) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Đại Phú (diện tích 85,21 ha, 392 hộ) và của thôn Nhân Hậu (diện tích 43,56 ha, 171 hộ) thành thôn mới dự kiến tên gọi là thôn Nhân Phú (sắp xếp toàn bộ).

Sau khi sắp xếp, thôn Nhân Phú có diện tích 128,77 ha, 563 hộ.

(2) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Phương Lĩnh (diện tích 109,78 ha, 343 hộ) và của thôn Phương Độ (diện tích 114,75 ha, 382 hộ) để thành thôn mới dự kiến tên gọi là thôn Lĩnh Độ (sắp xếp toàn bộ).

Sau khi sắp xếp, thôn Lĩnh Độ có diện tích 224,53 ha, 725 hộ.

(3) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Kỳ Sơn (diện tích 118,12 ha, 332 hộ), của thôn Cầu (diện tích 97,29 ha, 216 hộ) và của thôn Phù Lạc (diện tích 91,65 ha, 193 hộ) để thành thôn mới dự kiến tên gọi là thôn Kỳ Sơn (sắp xếp toàn bộ).

Sau khi sắp xếp, thôn Kỳ Sơn có diện tích 307.06 ha, 741 hộ.

(4) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Thành Đông (diện tích 141,25 ha, 445 hộ) và của thôn Thành Sơn (diện tích 96,48 ha, 300 hộ) để thành thôn mới dự kiến tên gọi là thôn Thành Đông (sắp xếp toàn bộ).

Sau khi sắp xếp, thôn Thành Đông có diện tích 237,73 ha, 745 hộ.

(5) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Thành Tây (diện tích 106,04 ha, 381 hộ) với của thôn Thành Ninh (diện tích 93,28 ha, 280 hộ) để thành thôn mới dự kiến tên gọi là thôn Thành Tây (sắp xếp toàn bộ).

Sau khi sắp xếp, thôn Thành Tây có diện tích 199,32 ha, 661 hộ.

(6) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Thiều Xá 1 (diện tích 150,08 ha, 424 hộ) và của thôn Thiều Xá 2 (diện tích 135,24 ha, 315 hộ) để thành thôn mới dự kiến tên gọi là thôn Thiều Xá (sắp xếp toàn bộ).

Sau khi sắp xếp, thôn Thiều Xá có diện tích 285,32 ha, 739 hộ.

(7) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Đông Thôn 1 (268 hộ, 1.174 người, diện tích 72,78 ha) và thôn Đông Thôn 2 (260 hộ, 1.056 người, diện tích 113,12 ha) để thành lập thôn mới dự kiến tên gọi là thôn Đông Thôn (sắp xếp toàn bộ).

Sau khi sắp xếp, thôn Đông Thôn có diện tích 185.90 ha, 528 hộ.

(8) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Cầu Thôn (diện tích 126,28 ha, 508 hộ) và thôn Cầu Tài (diện tích 58,78 ha, 275 hộ) để thành lập thôn mới dự kiến tên gọi là thôn Cầu Thôn (sắp xếp toàn bộ).

Sau khi sắp xếp, thôn Cầu Thôn có diện tích 185,06 ha, 783 hộ.

(9) Sáp nhập toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Đồng Tiến (diện tích 91,57 ha, 225 hộ), của thôn Phú Đa (diện tích 73,07 ha, 154 hộ) và của thôn Thành Tuy (diện tích 64,62 ha, 232 hộ) để thành lập thôn mới dự kiến tên gọi là thôn Đông Tiến (sắp xếp toàn bộ).

Sau khi sắp xếp, thôn Đông Tiến có diện tích 229,26 ha, 611 hộ.

(10) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Cách (diện tích 94,65 ha, 193 hộ), của thôn Trung Hà (diện tích 148,07 ha, 268 hộ) để thành lập thôn mới dự kiến tên gọi là thôn Ngọc Đới (sắp xếp toàn bộ).

Sau khi sắp xếp, thôn Ngọc Đới có diện tích 242,72 ha, 461 hộ.

(11) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của thôn Lộc Động (diện tích 138,25 ha, 277 hộ) và của thôn Phú Thọ (diện tích 119,26 ha, 249 hộ) để thành lập thôn mới dự kiến tên gọi là thôn Phú Vinh (sắp xếp toàn bộ).

Sau khi sắp xếp, thôn Phú Vinh có diện tích 257.51 ha, 526 hộ.

(Chi tiết tại Phụ lục số 03 gửi kèm theo)

b) Kết quả sau khi sắp xếp

Sau khi sắp xếp, xã Đông Thành có 12 thôn; trong đó có 11 thôn mới hình thành sau sắp xếp theo quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 Mục III của Đề án và 01 thôn không thực hiện sắp xếp là thôn Thành Phú; trong đó:

(1) Về quy mô số hộ:

- Số thôn mới đạt tiêu chuẩn: 12 thôn.
- Số thôn mới chưa đạt tiêu chuẩn: 0 thôn.

(2) Về diện tích tự nhiên:

- Thôn mới có diện tích nhỏ nhất là 128.77 ha.
- Thôn mới có diện tích lớn nhất là 307.06 ha.

(3) Về tên gọi:

- 03 thôn mới đặt tên gọi theo một trong các thôn trước khi sắp xếp.
- 05 thôn mới sử dụng tên gọi truyền thống trước đây.
- 03 thôn mới sử dụng tên gọi mới.

4. Đánh giá tác động của việc sắp xếp thôn

4.1. Ưu điểm:

Sắp xếp thôn trên địa bàn xã để thành lập các thôn có quy mô lớn, tạo ra nguồn lực mạnh từ cộng đồng dân cư; nâng cao hiệu quả hoạt động của thôn, hoạt động của chi bộ và tổ chức chính trị - xã hội; việc giảm 52 % số thôn sẽ làm giảm một số lượng lớn những người hoạt động không chuyên trách, sẽ giảm khoảng 26 người hoạt động không chuyên trách; mỗi năm dự kiến sẽ giảm 2,4 tỷ đồng từ ngân sách chi cho thôn; là cơ sở để từng bước nâng mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn trong thời gian tới; góp phần tinh gọn

đầu môi, tinh giản số lượng, cơ cấu lại đội ngũ, giảm tải áp lực, góp phần bảo đảm yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân tại địa bàn cơ sở.

4.2. Hạn chế:

Sắp xếp thôn sẽ làm tăng quy mô số hộ của thôn; một số thôn dôi dư nhà văn hóa - khu thể thao; nhiệm vụ của Bí thư chi bộ, Trưởng thôn và người hoạt động không chuyên trách khác cũng nặng nề hơn; việc thôi đảm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách do sáp nhập nhiều ảnh hưởng đến tâm tư, nguyện vọng cá nhân.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về công tác thông tin tuyên truyền

Cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể chính trị - xã hội có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền đầy đủ về ý nghĩa, mục đích của việc sắp xếp thôn; xem đây là nội dung quan trọng góp phần tinh gọn bộ máy theo chỉ đạo, định hướng, quy định của Trung ương và của tỉnh; giúp giảm chi ngân sách nhà nước, làm cơ sở để nâng mức phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách; nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cấp xã và hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thôn; từ đó tạo sự đồng thuận, thống nhất trong chỉ đạo, thực hiện của cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp Nhân dân.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên, liên tục.

Nội dung trọng tâm của công tác thông tin, tuyên truyền phải tập trung vào các nội dung chính như sau:

- Các chủ trương, quy định có liên quan của trung ương, của tỉnh, của xã, phường; vai trò, ý nghĩa, sự cần thiết của việc sắp xếp thôn.
- Nội dung chính của Đề án sắp xếp thôn.
- Tên gọi và ý nghĩa về tên gọi của thôn.
- Dự kiến nơi bố trí nhà văn hóa của thôn mới.
- Quyền và nghĩa vụ của cử tri trong việc lấy ý kiến.
- Các nội dung khác có liên quan.

2. Về xây dựng đề án và thực hiện trình tự, hồ sơ, đề án

2.1. Xây dựng đề án:

Căn cứ Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; UBND xã xây dựng đề án sắp xếp thôn thuộc xã Đông Thành; báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày 10/6/2026.

2.2. Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân:

UBND xã xây dựng kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với nội dung sắp xếp thôn; xác định rõ cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm thực hiện; quyết định lựa chọn một hoặc đồng thời cả hai hình thức lấy ý kiến Nhân dân: (1) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; (2) Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của Nhân dân; tổng hợp, hoàn chỉnh đề án theo quy định.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày 20/6/2026.

2.3. UBND xã trình HĐND xã xem xét, ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp thôn thuộc xã.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày 25/6/2026.

3. Về định hướng chức danh, số lượng, tiêu chuẩn của người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn

3.1. Về chức danh, số lượng

a) Chức danh người hoạt động không chuyên trách gồm 03 chức danh như sau: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn và Trưởng Ban công tác Mặt trận. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn không quá 03 người theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ.

b) Chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự: Kiện toàn, sắp xếp lại theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và trên cơ sở phù hợp với diện tích, dân cư, tình hình phức tạp về an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư (do HĐND tỉnh quyết định).

c) Các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, gồm:

- Phó Trưởng thôn.
- Thôn đội trưởng.
- Bí thư Chi đoàn Thanh niên.
- Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ.
- Chi hội trưởng Chi hội Nông dân.
- Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh.

d) Đối với các chức danh khác như: Người cao tuổi, Khuyến học...thực hiện theo Điều lệ của tổ chức và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên. Chức danh Công tác viên dân số thực hiện theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế.

đ) Về số lượng: Sau sắp xếp thôn toàn xã còn 36 người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động công việc ở thôn; 36 thành viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự, 12 Công tác viên dân số.

3.2. Về tiêu chuẩn

a) Đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ; Trưởng Ban công tác Mặt trận; Thôn đội trưởng; Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng các Chi hội: Phụ

nữ, Nông dân, Cựu chiến binh: Thực hiện theo Điều lệ Đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên có thẩm quyền.

b) Đối với chức danh Trưởng thôn: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP².

c) Đối với chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự: Theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

d) Đối với chức danh Phó Trưởng thôn: Thực hiện theo tiêu chuẩn của Trưởng thôn.

đ) Đối với các chức danh khác như: Người cao tuổi, Khuyến học...: Thực hiện theo Điều lệ của tổ chức và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên.

3.3. Về chế độ, chính sách:

a) Đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách: Thực hiện bằng mức ngân sách nhà nước khoán quỹ phụ cấp để chi phụ cấp hằng tháng theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP³; chế độ, chính sách khác thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 16 Nghị định này.

b) Đối với chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự: Theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và theo quy định được HĐND tỉnh phê duyệt trên cơ sở ngân sách tỉnh bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3.4. Về định hướng bố trí, chỉ định, bầu cử, tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn

a) Đối với các chức danh: (1) Bí thư Chi bộ; (2) Trưởng Ban công tác Mặt trận; (3) Thôn đội trưởng; (4) Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng Chi hội: Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh: Thực hiện theo Điều lệ Đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên có thẩm quyền.

² (1) Là công dân Việt Nam cư trú thường xuyên tại địa bàn xã, phường, đặc khu từ 21 tuổi trở lên, ưu tiên người trong độ tuổi lao động theo quy định; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao; (2) Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu; có uy tín trong cộng đồng dân cư; được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; (3) Có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ do cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã giao; khuyến khích lựa chọn người có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố; (4) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; có khả năng lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định; (5) Không trong thời gian bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án

³ Đối với thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn được khoán quỹ phụ cấp bằng 8,0 lần mức lương cơ sở. Đối với thôn, tổ dân phố còn lại được khoán quỹ phụ cấp bằng 6,5 lần mức lương cơ sở.

b) Đối với chức danh Trưởng thôn: Trên cơ sở chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy xã, UBND xã chỉ định Trưởng thôn lâm thời để điều hành hoạt động của thôn mới cho đến khi bầu được Trưởng thôn. Thời gian chỉ định Trưởng thôn lâm thời không quá 06 tháng.

c) Đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên: Kiện toàn, sắp xếp lại lực lượng này theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và trên cơ sở phù hợp với diện tích, dân cư, tình hình phức tạp về an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư.

d) Đối với Phó Trưởng thôn: Thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn do UBND tỉnh ban hành.

đ) Về định hướng nhiệm kỳ của Trưởng thôn: Thực hiện nhiệm kỳ các thôn trên địa bàn xã (bao gồm cả thôn không thực hiện sắp xếp và thôn mới hình thành sau sắp xếp) bắt đầu từ ngày 01/7/2026 và kết thúc vào ngày 01/9/2030, gắn với nhiệm kỳ 2025 - 2030 của Chi bộ đảng ở thôn; bảo đảm thực hiện đồng bộ, thống nhất trong toàn xã theo Phương án của UBND tỉnh tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 09/6/2026; UBND xã thực hiện ban hành quyết định kết thúc nhiệm kỳ của các thôn trong ngày 30/6/2026; để thực hiện nhiệm kỳ mới từ ngày 01/7/2026.

e) Đối với tổ chức Chi hội khác như: Người cao tuổi, Khuyến học...: Thực hiện theo Điều lệ của tổ chức và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên.

4. Về chính sách hỗ trợ nghỉ việc do sáp nhập thôn

4.1. Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế.

4.2. Chủ tịch UBND xã căn cứ Quyết định số 31/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh để phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

5. Về bố trí nhà văn hóa, sử dụng tài sản công của thôn

UBND xã đã thực hiện rà soát toàn bộ hiện trạng nhà văn hóa, khu thể thao, thiết chế văn hóa, tài sản công của các thôn trước khi sắp xếp để xây dựng phương án quản lý, sử dụng sau sắp xếp theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí; phát huy hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng bỏ không, xuống cấp, sử dụng sai mục đích. Cụ thể như sau:

- UBND xã đã xây dựng phương án tiếp tục sử dụng lại nhà văn hóa - khu thể thao đang đáp ứng được sinh hoạt của cộng đồng dân cư tại các thôn: Nhân Hậu, Phương Lĩnh, Kỳ Sơn, Thành Đông, Thành Tây, Thiều Xá 1, Đông Thôn 2, Cầu Thôn, Thôn Đồng Tiến, Cách, Lộ Động.

- Đối với nhà văn hóa dôi dư, không còn phù hợp của các thôn còn lại như sau: Đại Phú, Phương Độ, Cầu, Phù Lạc, Thành Sơn, Thành Ninh, Thiều Xá 2, Đông Thôn 1, Cầu Tài, Phú Đa, Thành Tuy, Trung Hà, Phú Thọ; UBND xã tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét phương án điều chuyển, sử dụng vào

mục đích công cộng khác hoặc xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Về chuyển đổi một số loại giấy tờ cơ bản của công dân và tổ chức

UBND xã chỉ đạo, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan lập kế hoạch, thông báo, hướng dẫn người dân chuyển đổi theo quy định; tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân, tổ chức phục vụ tại cấp xã.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy xã lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị quán triệt nghiêm túc Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ, Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Kết luận số 401-KL/TU ngày 09/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kết luận số 393-KL/TU ngày 04/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 22/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Chỉ đạo; chỉ đạo Ban Xây dựng Đảng hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn xã về công tác tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân để tạo sự thống nhất cao về tư tưởng, hành động trong toàn Đảng, hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân về triển khai thực hiện sắp xếp thôn trên địa bàn xã. Đồng thời, kiện toàn tổ chức đảng ở địa phương tương ứng với thôn sau sắp xếp theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã chỉ đạo, hướng dẫn sắp xếp, kiện toàn Ban Công tác Mặt trận ở thôn đồng bộ với việc sắp xếp thôn; hướng dẫn việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách của Ban Công tác Mặt trận ở thôn; chỉ đạo tập trung tuyên truyền, thống nhất nhận thức, trách nhiệm của các tầng lớp Nhân dân, phát huy truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân cư, thực hiện dân chủ ở cơ sở để tổ chức thực hiện hiệu quả việc sắp xếp thôn; giám sát quá trình sắp xếp thôn và bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bảo đảm công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi chính đáng của Nhân dân và cán bộ cơ sở.

3. Đề nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét ban hành Nghị quyết về sắp xếp thôn thuộc xã Đông Thành.

4. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện; mẫu hóa văn bản, đề án, tài liệu thực hiện: Đã hoàn thành.

- Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, hoàn chỉnh Đề án, báo cáo UBND xã phê duyệt: Đã hoàn thành.

- Chỉ đạo Trung tâm cung ứng dịch vụ công thực hiện thông tin, tuyên truyền đầy đủ về ý nghĩa, mục đích của việc sáp nhập, thành lập thôn.

- Phối hợp với Ban Xây dựng Đảng định hướng thông tin, tuyên truyền những nhiệm vụ trọng tâm tập trung thực hiện về sắp xếp thôn; quản lý chặt chẽ công tác thông tin, tuyên truyền, nhất là trên không gian mạng; phối hợp với các cơ quan liên quan phát hiện, xử lý nghiêm hành vi phát tán thông tin sai trái,

xuân tạc, tin giả gây hoang mang cho xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến việc sắp xếp thôn.

- Tổng hợp tình hình sắp xếp thôn và bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn; chủ động nắm tình hình báo cáo UBND xã, Chủ tịch UBND xã.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế và các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn; tham mưu UBND xã về công tác rà soát, sắp xếp, bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.

- Định kỳ tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy, UBND xã, Chủ tịch UBND xã; xây dựng Báo cáo tổng thể kết quả thực hiện sắp xếp thôn và bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. Phòng Kinh tế

- Chủ trì hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp thôn bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; hướng dẫn việc sắp xếp, bố trí, sử dụng nhà văn hóa và các thiết chế liên quan của thôn.

- Phối hợp với phòng Văn hóa - Xã hội bố trí nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn theo quy định.

6. Công an xã

- Chủ động nắm tình hình địa bàn; phối hợp với chính quyền địa phương trong việc rà soát, cung cấp số liệu hộ gia đình cư trú trên địa bàn; kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương xử lý các vấn đề phát sinh về an ninh, trật tự trong quá trình sắp xếp thôn; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tuyệt đối không để hình thành điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở.

- Rà soát, kiện toàn, tham mưu bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phù hợp với việc sắp xếp thôn.

Trên đây là Đề án sắp xếp thôn thuộc xã Đông Thành, Đề án này thay thế cho Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 04/6/2026 của UBND xã, UBND xã Đông Thành báo cáo UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Ban Thường vụ Đảng ủy xã Đông Thành theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã (để p/h);
- Các thôn (để t/h);
- Trang thông tin điện tử xã (để t/b);
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Liên

